TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 03/2022/DS-ST. Ngày 14-01-2022. V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự- là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã M, tỉnh N- có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Minh P- Văn phòng luật sư Trần Minh P, thuộc đoàn luật sư tỉnh D\ (trợ giúp pháp lý) - có mặt

Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1988- có mặt.
- Anh Nguyễn Nhựt K, sinh năm 1982 - vắng mặt có đơn xin.

Chị Q, anh K cùng địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và chị Q, anh K không có bà con dòng họ gì cả chỉ quen biết do bà gói bánh mướn cho mẹ ruột chị Q. Bà cho vợ chồng chị Q, anh K vay tiền 04 lần cụ thể:

- Lần 01: Vào ngày 04-01-2018 cho vợ chồng chị Q, anh K vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay do 2 vợ chồng chị Q anh K hỏi vay và viết giấy nợ ký tên. Không có hẹn ngày trả cụ thể, hai bên có thỏa thuận tiền lãi 4%/ tháng.

- Lần 02: vào ngày 18-4-2018 cho vợ chồng chị Q, anh K vay số tiền 20.000.000 đồng. Có viết giấy nợ nhưng do 01 mình chị Q viết giấy nợ và ký tên đưa bà. Không có hẹn ngày trả cụ thể, hai bên có thỏa thuận tiền lãi 4%/ tháng.

- Lần 3: vào ngày 24-5-2018 cho vợ chồng chị Q, anh K vay số tiền 30.000.000 đồng (tiền này bà vay của ông X). Có viết giấy nợ nhưng do 01 mình chị Q viết giấy nợ và ký tên đưa bà. Không có hẹn ngày trả cụ thể, hai bên có thỏa thuận tiền lãi 4%/ tháng.

- Lần 04: vào ngày 26-6-2018 cho vợ chồng chị Q, anh K vay số tiền 30.000.000 đồng. Có viết giấy nợ nhưng do 01 mình chị Q viết giấy nợ và ký tên đưa bà. Có hẹn sau 10 ngày trả cụ thể, hai bên có thỏa thuận tiền lãi 4%/ tháng.

Tổng cộng chị Q, anh K vay của bà 110.000.000 đồng

Vợ chồng chị Q, anh K có trả tiền lãi cho bà được tổng cộng 8.800.000 đồng, bà cho con chị Q lại 800.000 đồng, bà còn lại 8.000.000 đồng. Việc trả lãi có tháng chị Q đi trả, có tháng thì anh K đi trả cho bà. Ngoài việc trả lãi, vợ chồng chị Q, anh K chưa trả cho vợ chồng bà được số tiền gốc nào cả. Vợ chồng chị Q, anh K vay tiền để cho người khác vay lại và làm vốn mua bán nhưng thực tế chị Q sử dụng số tiền này vào việc gì bà không biết. Ngoài lần vay đầu tiên vào ngày 04-01-018 là hai vợ chồng chị Q, anh K cùng đến nhà bà nhận tiền. Còn những lần vay tiền do một mình chị Q trực tiếp đi vay và nhận tiền, còn giấy nợ: giấy nợ 04-01-2018 anh K viết tại nhà bà; giấy nợ ngày 18-4-2018 chị Q viết, sau đó đem vô nhà bà; 02 giấy nợ còn lại chị Q viết tại nhà bà; nhưng anh K biết việc vay tiền này vì chị Q có đưa số điện thoại để bà nói chuyện với anh K.

Nay bà yêu cầu chị Q, anh K trả lại cho bà số tiền gốc 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Thừa nhận, vợ chồng chị có vay tiền của bà T số tiền 110.000.000 đồng. Nhưng vay từ năm 2016 đến năm 2018. Đến năm 2018 không nhớ ngày tháng chị và bà T có chốt với nhau là chị nợ bà T số tiền 110.000.000 đồng. Khi chốt nợ không có làm giấy nợ. Cũng trong năm 2018 chị có trả tiền cho bà T nhiều lần nhưng không nhớ ngày tháng tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng, việc trả tiền cho bà T không có làm giấy tờ, ngoài chị và bà T không có ai khác chứng kiến việc trả tiền. Chị vay tiền của bà T để đóng tiền lãi cho những khoản vay trước đó mà chị vay để trang trải kinh tế gia đình. Trong 04 giấy nợ bà T cung cấp chị chỉ viết nợ ngày 26-6-2018, chồng chị là anh K viết ngày 04-01-2018;

còn hai giấy nợ ngày 24-5-2014, 18-4-2018 do bà T viết. Chữ ký dưới phần người mượn là do chị ký. Chị có nói với chồng là vay tiền của bà T nhưng không có nói cụ thể. Do việc chi tiêu kinh tế trong gia đình do chị lo liệu, nguồn thu nhập chính trong gia đình là từ việc chị nấu rượu, nuôi heo và chồng chị anh V đi buôn bán.

Về tiền lãi bà T trình bày không đúng, phần tiền vay 20.000.000 đồng ngày 04-01-2018 mỗi tháng chị đóng cho bà T số tiền 800.000 đồng đến tháng 6-2018 chị mới ngưng, còn những khoản tiền còn lại là chị đóng lãi ngày, 10.000.000 đồng/đóng 500.000 đồng/10 ngày. Chị không xác định được mình đóng được bao nhiêu tiền lãi và khi đóng lãi cho bà T thì không có làm giấy tờ và cũng không có ai khác chứng kiến việc trả lãi này cả

Nay chị không đồng ý theo yêu cầu của bà T. Do chị đã trả cho bà T số tiền gốc 60.000.000 đồng nên nay chị chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền gốc 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị đồng ý trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Nhựt K trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Q. Mọi chi tiêu trong gia đình do vợ anh là chị Q quản lý hết. Anh có ký vào giấy nợ ngày 04-01-2018; còn những giấy nợ khác anh không biết và không có ký tên. Nay anh có cùng ý kiến với chị Q. Do vợ anh đã trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng nên nay anh chỉ đồng ý cùng vợ anh là chị Q trả cho bà T số tiền gốc 50.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Việc chị Q, anh K vay tiền của bà T là có thật và được chị Q xác nhận là có nợ bà T số tiền 110.000.000 đồng. Chị Q trình bày đã trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và tại phiên tòa chị Q đồng ý trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và ghi nhận ý kiến của chị Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị Kim T đối với chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Nhựt K. Buộc chị Q, anh K có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng.

Về án phí: chị Q, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: anh Nguyễn Nhựt K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Thực tế, bà T và chị Q thống nhất xác định chị Q, anh K có vay tiền của bà T nhiều lần, tổng cộng là 110.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của bà T yêu cầu chị Q, anh K trả số tiền vay 110.000.000 đồng của 03 giấy nợ ngày 04-01-2018; ngày 24-5-2014, 18-4-2018 và giấy viết tay nội dung mượn 30.000.000 đồng ngày 26-6-2018.

Xét lời trình bày của chị Q cho rằng việc chị vay tiền của bà T từ năm 2016 đến năm 2018. Sau đó, vì để thỏa thuận trả nợ dần nên chị mới ký các giấy nợ trên cho bà T, nhưng chị Q lại không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc đã vay tiền của bà T từ năm 2016. Về chữ ký của các đương sự trong giấy nợ, qua lời trình bày của các đương sự và kết luận giám định số 1894/C09B, ngày 24-6-2021 của Phân viện khoa học hình sự- Bộ Công An, chữ ký của của chị Q trong 03 giấy nợ ngày 04-01-2018; ngày 24-5-2014, 18-4-2018 và giấy viết tay nội dung mượn 30.000.000 đồng ngày 26-6-2018 đúng là do chị Q ký ra; chữ ký của anh K trong giấy nợ ngày 04-01-2018 do anh Toại ký ra; các chữ ký K trong những giấy nợ còn lại không phải của anh K ký ra. Từ đó xác định việc chị Q, anh K nợ bà T số tiền 110.000.000 đồng là có thật.

Tuy trong 03 giấy nợ ngày 04-01-2018; ngày 24-5-2014, 18-4-2018 không hẹn ngày trả, nhưng bà T đã yêu cầu chị Q trả tiền nhiều lần và chị Q cũng thừa nhận vào tháng 04-2020 bà T có đến nhà chị đòi tiền nhưng chị Q, anh K không trả. Riêng giấy viết tay nội dung mượn 30.000.000 đồng ngày 26-6-2018, chị Q có ký tên và trong giấy thể hiện rõ sau 10 ngày sẽ hoàn trả lại tiền gốc nhưng đến nay chị Q, anh K vẫn chưa trả. Từ đó cho thấy chị Q, anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015 nên phải có trách nhiệm trả lại tiền cho bà T tổng số tiền 110.000.000 đồng.

Xét lời trình bày của chị Q, cho rằng trong năm 2018 chị cũng trả cho bà T nhiều lần tổng cộng được 60.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị Q lại không đưa ra được tài liệu chứng cứ cho việc trả số tiền 60.000.000 đồng trên nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, chị Q đồng ý trả cho bà T số tiền 110.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền vay 80.000.000 đồng trong 02 giấy vay ngày 24-5-2014, 18-4-2018 và giấy viết tay nội dung mượn tiền ngày 26-6-2018. Tuy bà T, chị Q, anh K đều xác định những lần vay tiền này không có mặt của anh K, chữ ký trong những giấy nợ này cũng không phải của anh nhưng chị Q, anh K cũng

thừa nhận là anh K biết việc vay tiền này. Mặt khác, chị Q vay tiền để đóng tiền lãi cho những khoản vay trước đó đã vay để trang trải kinh tế gia đình và mọi chi tiêu trong gia đình là do chị Quanh quản lý. Do đó, chị Q, anh K phải cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho bà T.

Từ những căn cứ trên nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của bà T đối với chị Q, anh K. Chị Q và anh K cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc 110.000.000 đồng.

Về tiền lãi: bà T trình bày chị Q, anh K có trả cho bà tổng cộng 8.800.000 đồng, bà cho con chị Q lại 800.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng. Chị Q lại cho rằng bà T trình bày không đúng vì phần tiền vay 20.000.000 đồng ngày 04-01-2018 mỗi tháng chị đóng cho bà T số tiền 800.000 đồng đến tháng 6-2018 thì ngưng, còn những khoản tiền còn lại là chị đóng lãi ngày, 10.000.000 đồng đóng 500.000 đồng/10 ngày. Tuy nhiên chị Q không xác định được mình đóng được bao nhiêu tiền lãi. Cả bà T và chị Q thống nhất khi trả lãi không có làm giấy tờ và cũng không có ai khác chứng kiến. Tuy thỏa thuận lãi suất theo trình bày của hai bên là vượt quá quy định của Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, qua tính toán số tiền 8.000.000 đồng đã đóng không vượt quá số tiền lãi phải trả theo quy định. Hơn nữa, các đương sự không có yêu cầu giải quyết về lãi suất, do đó hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về chi phí giám định chữ ký: Chi phí giám định chữ ký là 4.000.000 đồng, bà T đã nộp toàn bộ chi phí này. Do yêu cầu của bà T có căn cứ chấp nhận nên chị Q, anh K phải chịu chi phí giám định theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thoa là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: chị Q, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 161, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Nhựt K cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

2. Về chi phí giám định chữ ký: Chị Q, anh K có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

3. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Nhựt K phải chịu chung số tiền 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà T, chị Q có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Như Thủy